

BÁO CÁO KẾT QUẢ THI MOS - GMETRIX 2017- SỞ GD & ĐT HCM

Ngày thi: **01/04/2017**
 Môn thi: **Word 2013**
 Số lượng: **90**

STT	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Trường	Cụm	Môn thi	Ngôn ngữ	Điểm	Phòng thi	Ca thi	GHI CHÚ	Thời gian
1	Đinh Ngọc Khánh	Linh	27-Oct-00	11D	THPT Thủ Thiêm	Cụm 8	W13	TA	1000	8.3	Ca 1		5:52
2	Nguyễn Nhật Thành	Vinh	14-Nov-00	11B1	THPT Nhân Việt		W13	TA	1000	8.2	Ca 2		8:32
3	Lê Ngọc Hoàng	Lan	04-Jun-00	11B1	THPT Nhân Việt		W13	TA	1000	8.2	Ca 2		9:48
4	Lê Phạm Thiên	Kim	01-Dec-01	10A5	THPT Thủ Thiêm	Cụm 8	W13	TA	1000	8.3	Ca 1		10:57
5	Nguyễn Thị Thanh	Vy	14-Feb-01	10C1	THPT Thủ Đức	Cụm 8	W13	TA	1000	8.3	Ca 1		11:03
6	Trương Huỳnh Thiên	Ân	14-Jan-01	10A1	THPT Long Trường	Cụm 8	W13	TA	1000	8.3	Ca 1		20:17
7	Hồ Đắc	Hiếu	13-Mar-00	11CT	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	W13	TA	1000	8.3	Ca 1		24:09
8	Phạm Thanh	Bình	12-Jan-00	11A	THPT Trung Phú	Cụm 7	W13	TA	1000	8.3	Ca 2		24:15
9	Vũ Lê	Tuấn	16-Feb-00	11A2	THPT Tam Phú	Cụm 8	W13	TA	1000	8.3	Ca 1		24:16
10	Trần Thị Gia	Linh	03-Sep-00	11CT	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	W13	TA	1000	8.3	Ca 1		24:52
11	Trương Tấn	Hoàng	11-Jun-99	12A1	THPT Long Trường	Cụm 8	W13	TA	1000	8.3	Ca 1		28:18
12	Lại Cao	Thiên	16-Sep-01	10A	THPT Trung Phú	Cụm 7	W13	TA	1000	8.3	Ca 2		44:20
13	Trần Mỹ	Anh	04-Nov-00	11D13	THPT Nguyễn Hiền	Cụm 4	W13	TA	973	8.2	Ca 5		
14	Nguyễn Thanh	Phúc	15-Jun-00	11A04	THPT Võ Văn Kiệt	Cụm 2	W13	TA	973	8.2	Ca 3		
15	Nguyễn Gia	Thịnh	23-Jan-04	7A9	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	W13	TA	973	8.2	Ca 5		
16	Thường Toàn	Chí	02-Sep-00	11D2	THPT Trần Văn Giàu	Cụm 6	W13	TA	947	8.3	Ca 3		
17	Biên Thụy Thùy	Dung	05-Mar-00	11A 3	THPT Nguyễn Chí Thanh	Cụm 5	W13	TA	947	8.2	Ca 5		
18	Võ Tấn	Phát	08-Apr-00	11A9	THPT Nguyễn Công Trứ	Cụm 6	W13	TA	947	8.3	Ca 3		
19	Nguyễn Đăng Hoàng	Phúc	11-Oct-01	10A2	THPT Thủ Đức	Cụm 8	W13	TA	947	8.3	Ca 1		
20	Trần Võ Tú	Quyên	14-Oct-00	11CA	THPT Củ Chi	Cụm 7	W13	TA	947	8.3	Ca 2		
21	Đào Thị Thu	Hiền	23-Mar-00	11A11	THPT Nguyễn Chí Thanh	Cụm 5	W13	TA	921	8.2	Ca 5		
22	Ngô Huỳnh Minh	Khang	20-Jul-03	8A3	THCS Nguyễn Thị Thập	Phòng GD-ĐT Quận 7	W13	TA	921	8.3	Ca 4		
23	Võ Đăng	Trình	03-Aug-03	8_6	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GD-ĐT Quận 3	W13	TA	921	8.2	Ca 4		

STT	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Trường	Cụm	Môn thi	Ngôn ngữ	Điểm	Phòng thi	Ca thi	GHI CHÚ	Thời gian
24	Trần Gia	Bảo	30-Mar-01	10A1	THPT Nguyễn Công Trứ	Cụm 6	W13	TA	894	8.3	Ca 3		
25	Nguyễn Công	Duy	14-Jul-03	8A7	THCS Ngô Sĩ Liên	Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình	W13	TA	894	8.2	Ca 2		
26	Lưu Kim	Hằng	24-May-01	10A04	THPT Võ Văn Kiệt	Cụm 2	W13	TA	894	8.2	Ca 3		
27	Nguyễn Hoàng	Minh	26-May-01	10B1	THPT Trần Văn Giàu	Cụm 6	W13	TA	894	8.3	Ca 3		
28	Lý Chí	Học	22-Mar-00	11H	THPT Ngô Quyền	Cụm 2	W13	TA	868	8.2	Ca 3		
29	Bùi Xuân	Khánh	28-Jun-00	11A02	THPT Mạc Đĩnh Chi	Cụm 4	W13	TA	868	8.3	Ca 3		
30	Phạm Hồng	Mai	07-Feb-03	8A3	THCS-THPT Đinh Thiện Lý	Phòng GD-ĐT Quận 7	W13	TA	868	8.3	Ca 4		
31	Nguyễn Đàm Vương	Minh	17-Jan-00	11A01	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	W13	TA	868	8.2	Ca 1	868	
32	Lê Nhật Minh	Phuong	21-Mar-00	11N	THPT Ngô Quyền	Cụm 2	W13	TA	868	8.2	Ca 3		
33	Nguyễn Lê Thanh	Thủy	29-Mar-00	11B4	THPT Gò Vấp	Cụm 6	W13	TA	868	8.3	Ca 3		
34	Nguyễn Phạm Thảo	Vy	08-Jun-00	11A2	THPT Tam Phú	Cụm 8	W13	TA	842	8.3	Ca 1	842	
35	Đỗ Hoàng	Hiệp	08-Jan-00	11A1	THPT Trưng Vương	Cụm 1	W13	TA	789	8.2	Ca 1		
36	Trần Đình	Hung	16-Feb-02	9/11	THCS Kim Đồng	Q5	W13	TA	789	8.2	Ca 5		
37	Nguyễn	Khánh	20-Sep-02	9A1	THCS Trần Văn Ôn	Phòng GD-ĐT Quận 1	W13	TA	789	8.3	Ca 2		
38	Quách Trần Phương	Trân	18-Jun-00	11A04	THPT Phú Nhuận	Cụm 7	W13	TA	789	8.3	Ca 2		
39	Trần Thụy Hoàng	Trân	21-Mar-02	9/31	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Phòng GD-ĐT Quận 10	W13	TA	789	8.3	Ca 4		
40	Trần Lê Bảo	Châu	30-Aug-00	11A01	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Cụm 1	W13	TA	763	8.2	Ca 1		
41	Nguyễn Mạnh	Duy	05-May-11	10A12	THPT Hoàng Hoa Thám	Cụm 6	W13	TA	763	8.3	Ca 3		
42	Ô Gia	Hân	13-Sep-99	12/14	TH, THCS VÀ THPT QUỐC TẾ Á CHÂU		W13	TA	763	8.2	Ca 2		
43	Huỳnh Lâm	Đức	05-Nov-03	8/11	THCS Kim Đồng	Q5	W13	TA	736	8.2	Ca 5		
44	Nguyễn Minh	Nhật	23-Jun-04	7.3	THCS Bình Trị Đông	Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân	W13	TA	736	8.3	Ca 4		
45	Phạm Trần	Tiến	26-Oct-01	10A1	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	W13	TA	736	8.2	Ca 1		
46	Triệu Huỳnh Minh	Hoàng	19-May-04	7.1	THCS An Lạc	Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân	W13	TA	710	8.3	Ca 4		
47	Huỳnh Bá	Minh	14-Jan-04	7A10	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	W13	TA	710	8.2	Ca 5		
48	Nguyễn Hồng	Cường	23-Nov-00	11A2	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	W13	TA	684	8.3	Ca 1		
49	Phan Nguyên	Đức	29-Mar-03	8/8	THCS Hai Bà Trưng	Phòng GD-ĐT Quận 3	W13	TA	684	8.2	Ca 4		

STT	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Trường	Cụm	Môn thi	Ngôn ngữ	Điểm	Phòng thi	Ca thi	GHI CHÚ	Thời gian
50	Trần Minh	Long	27-Jul-00	11A3	THPT Trung Vương	Cụm 1	W13	TA	684	8.2	Ca 1		
51	Trần Thị Mai	Phương	19-Nov-99	12A07	THPT Mạc Đĩnh Chi	Cụm 4	W13	TA	684	8.3	Ca 3		
52	Đỗ Xuân	Son	03-Mar-03	8/11	THCS Kim Đồng	Q5	W13	TA	684	8.2	Ca 5		
53	Đường Mai	Thy	10-Feb-00	11A04	THPT Phú Nhuận	Cụm 7	W13	TA	657	8.3	Ca 2		
54	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	14-Jul-03	8/37	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Phòng GD-ĐT Quận 10	W13	TA	657	8.3	Ca 4		
55	Trần Lê Quỳnh	Như	28-Feb-99	12/12	TH, THCS VÀ THPT QUỐC TẾ Á CHÂU		W13	TA	631	8.2	Ca 2		
56	Đào Hoàng Chiêu	Anh	02-Dec-02	9/31	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Phòng GD-ĐT Quận 10	W13	TA	605	8.3	Ca 4		
57	Hồ Thanh	Ngân	05-Jan-02	9A1	THCS Bạch Đằng	Phòng GD-ĐT Quận 3	W13	TA	578	8.2	Ca 4		
58	Nguyễn Hoàng Thiên	Phú	11-Sep-01	10A11	THPT Hoàng Hoa Thám	Cụm 6	W13	TA	578	8.3	Ca 3		
59	Đào Ngọc Khánh	Linh	22-Jul-99	12A07	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	W13	TA	552	8.2	Ca 1	552	
60	Vũ Hồng Mỹ	Quyên	20-Sep-00	11A4	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	W13	TA	552	8.3	Ca 1		
61	Biện Thị Diễm	Thúy	03-Aug-99	12A2	THCS - THPT Việt Anh	Cụm 5	W13	TA	552	8.2	Ca 1		
62	Hồ Thanh	Tùng	14/4/1999	12A05	THPT Nguyễn Hiền	Cụm 4	W13	TA	552	8.2	Ca 5		
63	Đỗ Dương	Quỳnh	28-Jan-03	8A1	THCS Trường Chinh	Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình	W13	TA	526	8.2	Ca 2		
64	Nguyễn Hữu	Tuấn	19-Jan-04	7/15	THCS Lý Thường Kiệt	Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân	W13	TA	526	8.3	Ca 4		
65	Tăng Gia	Bảo	13-Dec-01	10A2	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	W13	TA	473	8.2	Ca 1		
66	Trần Gia	Thiên	25-Jul-03	8/14	THCS Tân Bình	Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình	W13	TA	473	8.2	Ca 2		
67	Nguyễn Ngọc Thu	Trình	02-Oct-00	11A03	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Cụm 1	W13	TA	473	8.2	Ca 1		
68	Cao Thị Thu	Hòa	30-Apr-99	12A2	THCS - THPT Việt Anh	Cụm 5	W13	TA	447	8.2	Ca 1		
69	Tạ Ngọc Uyên	Nhi	30-Nov-04	7H3	TH, THCS, THPT Việt Úc	Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận	W13	TA	447	8.2	Ca 4		
70	Hồng Thành	Phát	11-Sep-00	11A2	THPT Tân Phong	Cụm 2	W13	TA	447	8.2	Ca 3		
71	Trương Thị Kim	Ngân	01-Mar-04	7/2	THCS Hồ Văn Long	Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân	W13	TA	421	8.3	Ca 4		
72	Nguyễn Thị Kim	Thảo	25-Mar-00	11N	THPT Ngô Quyền	Cụm 2	W13	TA	421	8.2	Ca 3		
73	Nguyễn Xuân	Lân	25-Jul-01	10A15	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	W13	TA	394	8.3	Ca 3		
74	Nguyễn Phan Linh	Chi	11-Jun-03	8A15	THCS Trần Văn Ôn	Phòng GD-ĐT Quận 1	W13	TA	368	8.3	Ca 2		
75	Trần Lan	Phương	25-Oct-02	9A1	THCS Trần Văn Ôn	Phòng GD-ĐT Quận 1	W13	TA	368	8.3	Ca 2		

STT	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Trường	Cụm	Môn thi	Ngôn ngữ	Điểm	Phòng thi	Ca thi	GHI CHÚ	Thời gian
76	Trương Trần Khôi	Nguyễn	05-Jul-03	8A1	THCS Trường Chinh	Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình	W13	TA	342	8.2	Ca 2		
77	Đinh Nghĩa Bảo	Long	10-Aug-01	10A15	THPT Trần Hưng Đạo	Cụm 6	W13	TA	315	8.3	Ca 3		
78	Nguyễn Phan Tường	Vi	27-Mar-03	8/14	THCS Tân Bình	Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình	W13	TA	315	8.2	Ca 2		
79	Đinh Gia	Huy	21-Oct-03	8/7	THCS Phạm Ngọc Thạch	Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình	W13	TA	289	8.2	Ca 2		
80	Phan Nguyễn Xuân	Quỳnh	23-Sep-03	8.7	THCS Tân Túc	Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh	W13	TA	289	8.2	Ca 3		
81	Phan Ngọc Bích	Châu	21-May-04	7.1	THCS Lê Tấn Bê	Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân	W13	TA	210	8.3	Ca 4		
82	Nguyễn Thành	Danh	05-Jun-03	83	THCS Colette	Phòng GD-ĐT Quận 3	W13	TA	210	8.2	Ca 4		
83	Nguyễn Hoàng	Hải	21-May-02	9A1	THCS Trần Văn Ôn	Phòng GD-ĐT Quận 1	W13	TA	210	8.3	Ca 2		
84	Cao Ngọc Hà	My	22-Sep-04	7H3	TH, THCS, THPT Việt Úc	Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận	W13	TA	210	8.2	Ca 4		
85	Diệp Huỳnh Thúy	Nga	25-Oct-00	11B01	THPT Nguyễn Văn Cừ	Cụm 7	W13	TA	184	8.3	Ca 2		
86	Thái Đặng Hoàng	Nhi	12-Aug-00	11B01	THPT Nguyễn Văn Cừ	Cụm 7	W13	TA	157	8.3	Ca 2		
87	Nguyễn Nhật Yến	Nhi	01-Jan-03	8.7	THCS Tân Túc	Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh	W13	TA	131	8.2	Ca 3		
88	Phan Nguyễn Ngọc	Quỳnh	23-Sep-03	8.7	THCS Tân Túc	Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh	W13	TA	131	8.2	Ca 3		
89	Đỗ Minh	Chương	18-Jan-02	8/7	THCS Phạm Ngọc Thạch	Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình	W13	TA	78	8.2	Ca 2		
90	Trần Khánh	Duy	24-Feb-03	8.7	THCS Tân Túc	Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh	W13	TA	26	8.2	Ca 3		

BÁO CÁO KẾT QUẢ THI MOS - GMETRIX 2017 SỞ HCM

Ngày thi: 01/04/2017

Môn thi: Excel 2013

Số lượng: 81

STT	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Trường	Cụm	Môn thi	Ngôn ngữ	Điểm	Phòng thi	Ca thi	GHI CHÚ	Thời gian
1	Trần Quỳnh	Thi	09-Dec-00	11D	THPT Thủ Thiêm	Cụm 8	E13	TA	1000	8.3	Ca 1		9:00
2	Nguyễn Trương Dũng	Cầm	30-Aug-01	10C1	THPT Nhân Việt		E13	TA	1000	8.2	Ca 2		9:31
3	Huỳnh Nhựt	Hào	02-May-00	11A3	THPT Trần Văn Giàu	Cụm 6	E13	TA	1000	8.3	Ca 3		11:48
4	Lâm Ngọc Phương	Anh	21-Sep-00	11CL	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	E13	TA	1000	8.3	Ca 1		14:24
5	Nguyễn Ngọc Thùy	Vân	29-Nov-99	12A2	THPT Long Trường	Cụm 8	E13	TA	1000	8.3	Ca 1		18:04
6	Hoàng Vương Bảo	Trình	22-Apr-00	11A1	THPT Thủ Đức	Cụm 8	E13	TA	1000	8.3	Ca 1		19:40
7	Lê Phạm Hoàng	Giang	09-Oct-00	11D12	THPT Nguyễn Hiền	Cụm 4	E13	TA	1000	8.2	Ca 5		21:45
8	Đặng Quang	Việt	12-Mar-02	9H3	TH, THCS, THPT Việt Úc	Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận	E13	TA	1000	8.2	Ca 4		40:59
9	Tăng Quang	An	13-Dec-99	12/17	TH, THCS VÀ THPT QUỐC TẾ Á CHÂU		E13	TA	1000	8.2	Ca 2		44:02
10	Nguyễn Châu Bảo	Ngọc	14-May-00	11D	THPT Thủ Thiêm	Cụm 8	E13	TA	965	8.3	Ca 1		12.58
11	Hoàng Khánh	Huy	28-Aug-00	11A3	THPT Trần Văn Giàu	Cụm 6	E13	TA	965	8.3	Ca 3		16.51
12	Trần Thành	Tâm	03-Jan-00	11B1	THPT Nhân Việt		E13	TA	965	8.2	Ca 2		17.31
13	Giang Ngọc Lan	Trình	18-Dec-03	8A1	THCS-THPT Đinh Thiện Lý	Phòng GD-ĐT Quận 7	E13	TA	965	8.3	Ca 4		18.01
14	Nguyễn Minh	Thu	12-Sep-00	11CA	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	E13	TA	965	8.3	Ca 1		18.33
15	Nguyễn Quốc Khánh	Tuyên	24-Aug-01	10/21	TH, THCS VÀ THPT QUỐC TẾ Á CHÂU		E13	TA	965	8.2	Ca 2		31.41
16	Huỳnh Hồng Thảo	Hương	01-Jul-00	11A12	THPT Hoàng Hoa Thám	Cụm 6	E13	TA	931	8.3	Ca 3		
17	Nguyễn Minh	Ngọc	12-Apr-00	11A2	THPT Tam Phú	Cụm 8	E13	TA	931	8.3	Ca 1		
18	Dương Thanh	Thảo	26-Nov-00	11A01	THPT Võ Văn Kiệt	Cụm 2	E13	TA	931	8.2	Ca 3		
19	Lương Huỳnh Ánh	Trúc	01-Nov-99	12A2	THPT Long Trường	Cụm 8	E13	TA	931	8.3	Ca 1		
20	Trần Hoàng Anh	Tuấn	16-Dec-00	11A10	THPT Trưng Vương	Cụm 1	E13	TA	931	8.2	Ca 1		
21	Nguyễn Thành	Danh	26-Nov-99	12A 2	THPT Nguyễn Chí Thanh	Cụm 5	E13	TA	896	8.2	Ca 5		
22	Phạm Đào Phương	Dung	13-Mar-02	9H2	TH, THCS, THPT Việt Úc	Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận	E13	TA	896	8.2	Ca 4		

STT	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Trường	Cụm	Môn thi	Ngôn ngữ	Điểm	Phòng thi	Ca thi	GHI CHÚ	Thời gian
23	Phạm Anh	Khoa	30-Oct-00	11B4	TH - THCS - THPT Việt Úc	Cụm 1	E13	TA	896	8.2	Ca 1		
24	Dương Thị Thanh	Nhân	20-Sep-00	11TLH	THPT Trung Phú	Cụm 7	E13	TA	896	8.3	Ca 2		
25	Ngô Ngọc Phương	Thảo	01-Jan-00	11A01	THPT Võ Văn Kiệt	Cụm 2	E13	TA	896	8.2	Ca 3		
26	Vũ Đại Phú	An	17-Dec-00	11B01	THPT Nguyễn Văn Cừ	Cụm 7	E13	TA	882	8.3	Ca 2		
27	Nguyễn Quang	Anh	22-Jul-99	12A1	THPT Gò Vấp	Cụm 6	E13	TA	862	8.3	Ca 3		
28	Phạm Nam Chí	Hiếu	31-Aug-04	7A3	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	E13	TA	862	8.2	Ca 5		
29	Huỳnh Anh	Kiệt	30-Aug-99	12A	THPT Trung Phú	Cụm 7	E13	TA	862	8.3	Ca 2		
30	Võ Nguyên	Long	02-Aug-00	11C9	THPT Thủ Đức	Cụm 8	E13	TA	862	8.3	Ca 1		
31	Nguyễn Ngọc Xuân	Mai	22-Sep-03	8.2	THCS Tân Tạo A	Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân	E13	TA	862	8.3	Ca 4		
32	Dương Quốc	Phú	17-Jun-02	9/28	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Phòng GD-ĐT Quận 10	E13	TA	862	8.3	Ca 4		
33	Lâm Hoàng	Duy	28/9/2000	11A01	THPT Nguyễn Hiền	Cụm 4	E13	TA	827	8.2	Ca 5		
34	Nguyễn Như	Ngọc	25-Mar-00	10A8	THPT Trưng Vương	Cụm 1	E13	TA	827	8.2	Ca 1		
35	Đỗ Thị Bảo	Ngọc	21-Apr-00	11A11	THPT Nguyễn Công Trứ	Cụm 6	W13	TA	827	8.3	Ca 3		
36	Nguyễn Vũ Nhâm	Nguyên	20-Sep-02	9/2	THCS Hoàng Hoa Thám	Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình	E13	TA	827	8.2	Ca 2		
37	Nguyễn Thị Thu	Phương	29-Apr-00	11N	THPT Ngô Quyền	Cụm 2	E13	TA	827	8.2	Ca 3		
38	Lê Minh	Sĩ	10-Jan-01	10A07	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	E13	TA	827	8.2	Ca 1	827	
39	Trần Thị Thanh	Thúy	24-Jun-99	12A01	THPT Mạc Đĩnh Chi	Cụm 4	E13	TA	827	8.3	Ca 3		
40	Nguyễn Trung	Tín	29-Oct-00	11CA	THPT Củ Chi	Cụm 7	E13	TA	827	8.3	Ca 2		
41	Lê Hoàng	Việt	08-Feb-01	10A6	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	E13	TA	827	8.2	Ca 1		
42	Lê Viết	Việt	05-Aug-99	12A 2	THPT Nguyễn Chí Thanh	Cụm 5	E13	TA	827	8.2	Ca 5		
43	Đoàn Nguyễn Thiên	Ân	21-Sep-00	11A2	THPT Tam Phú	Cụm 8	E13	TA	793	8.3	Ca 1		
44	Nguyễn Thị Vân	Anh	14-Dec-01	10A8	THPT Nguyễn Công Trứ	Cụm 6	E13	TA	793	8.3	Ca 3		
45	Đỗ Minh	Tâm	26-Mar-00	11A04	THPT Phú Nhuận	Cụm 7	E13	TA	793	8.3	Ca 2		
46	Nguyễn Minh	Triết	26-Jun-03	8/11	THCS Kim Đồng	Q5	E13	TA	793	8.2	Ca 5		

STT	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Trường	Cụm	Môn thi	Ngôn ngữ	Điểm	Phòng thi	Ca thi	GHI CHÚ	Thời gian
47	Huỳnh Vĩnh	Tú	05-Nov-00	11B4	TH - THCS - THPT Việt Úc	Cụm 1	E13	TA	793	8.2	Ca 1		
48	Phạm Viết	Huy	12-Nov-00	11CA	THPT Củ Chi	Cụm 7	E13	TA	758	8.3	Ca 2		
49	Phạm Yến	Nhi	21-May-02	9H5	TH, THCS, THPT Việt Úc	Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận	E13	TA	758	8.2	Ca 4		
50	Phan Thị Mai	Trâm	01-Jun-03	8A1	THCS-THPT Đinh Thiện Lý	Phòng GD-ĐT Quận 7	E13	TA	758	8.3	Ca 4		
51	Nguyễn Hà Phương	Trúc	02-Dec-00	11A03	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Cụm 1	E13	TA	758	8.2	Ca 1		
52	Đặng Anh	Tú	29-Oct-01	10A2	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	E13	TA	758	8.2	Ca 1		
53	Nguyễn Vinh	Hiền	20-Sep-04	7A7	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	E13	TA	724	8.2	Ca 5		
54	Nguyễn Trung	Hiếu	26-Apr-00	11J	THPT Ngô Quyền	Cụm 2	E13	TA	724	8.2	Ca 3		
55	Lê Quốc	Hưng	27-Dec-00	11A6	THPT Tân Phong	Cụm 2	E13	TA	655	8.2	Ca 3		
56	Nguyễn Đăng	Khôi	12-Dec-03	8/11	THCS Kim Đồng	Q5	E13	TA	655	8.2	Ca 5		
57	Phạm Huỳnh Hải	Nguyên	28-Nov-99	12A2	THCS - THPT Việt Anh	Cụm 5	E13	TA	655	8.2	Ca 1		
58	Văn Trung	Tín	26-Mar-04	7/7	THCS Nguyễn Du	Phòng GD-ĐT Quận 1	E13	TA	655	8.3	Ca 2		
59	Trịnh Hoàng	Duy	19-May-03	83	THCS Colette	Phòng GD-ĐT Quận 3	E13	TA	620	8.2	Ca 4		
60	Hoàng	Hiếu	28-Dec-03	8_2	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GD-ĐT Quận 3	E13	TA	586	8.2	Ca 4		
61	Dương Ngọc	Hùng	03-Dec-00	11A03	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Cụm 1	E13	TA	517	8.2	Ca 1		
62	Nguyễn Phúc Minh	Quang	03-May-00	11A04	THPT Phú Nhuận	Cụm 7	E13	TA	517	8.3	Ca 2		
63	Doãn Anh	Khoa	06-Aug-03	8.4	THCS Tân Tạo	Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân	E13	TA	482	8.3	Ca 4		
64	Âu Dương	Minh	28-Aug-04	7/6	THCS Nguyễn Tri Phương	Phòng GD-ĐT Quận 10	E13	TA	482	8.3	Ca 4		
65	Phạm Quang	Minh	16-Feb-04	7/6	THCS Nguyễn Tri Phương	Phòng GD-ĐT Quận 10	E13	TA	482	8.3	Ca 4		
66	Lý Ngọc	Quyên	22-May-00	11B2	THPT Gò Vấp	Cụm 6	E13	TA	482	8.3	Ca 3		
67	Lê Minh	Duy	15-Apr-04	7/7	THCS Nguyễn Du	Phòng GD-ĐT Quận 1	E13	TA	448	8.3	Ca 2		
68	Võ Quốc	Huy	17-Dec-00	11H2	TH - THCS - THPT Việt Úc	Cụm 1	E13	TA	448	8.2	Ca 1		
69	Trần Thành	Long	25-Sep-04	7/8	THCS Hai Bà Trưng	Phòng GD-ĐT Quận 3	E13	TA	448	8.2	Ca 4		
70	Lê Minh	Huy	15-Apr-04	7/7	THCS Nguyễn Du	Phòng GD-ĐT Quận 1	E13	TA	379	8.3	Ca 2		

STT	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Trường	Cụm	Môn thi	Ngôn ngữ	Điểm	Phòng thi	Ca thi	GHI CHÚ	Thời gian
71	Nguyễn Hoàng	Lâm	23-Jun-01	10CT	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	E13	TA	379	8.2	Ca 1	379	
72	Nguyễn Ngọc Thiên	Phúc	16-Aug-03	8/14	THCS Trần Quốc Toàn	Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân	E13	TA	379	8.3	Ca 4		
73	Nguyễn Thiện	Nhân	11-May-03	8.7	THCS Tân Túc	Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh	E13	TA	310	8.2	Ca 3		
74	Nguyễn Minh	Cần	16-Nov-00	11B01	THPT Nguyễn Văn Cừ	Cụm 7	E13	TA	275	8.3	Ca 2		
75	Võ Thiện	Nhân	04-Sep-03	8.6	THCS Tân Túc	Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh	E13	TA	275	8.2	Ca 3		
76	Lê Xuân	Phúc	18-Sep-99	12A2	THCS - THPT Việt Anh	Cụm 5	E13	TA	241	8.2	Ca 1		
77	Nguyễn Hoàn	Thành	20-Apr-03	8.7	THCS Tân Túc	Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh	E13	TA	172	8.2	Ca 3		
78	Huỳnh Thanh	Thái	08-Jan-03	8.3	THCS Tân Túc	Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh	E13	TA	34	8.2	Ca 3	34	
79	Chu Lê Thu	Huyền	27-Jun-00	11A1	THPT Hoàng Hoa Thám	Cụm 6	E13	TA	0	8.3	Ca 3		
80	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	30-Jan-99	12A8	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	E13	TA	0	8.3	Ca 1		
81	Trần Phạm Phước	Sang	25-Jun-00	11A02	THPT Mạc Đĩnh Chi	Cụm 4	E13	TA	0	8.3	Ca 3		

BÁO CÁO KẾT QUẢ THI MOS - GMETRIX 2017 SỞ HCM

Ngày thi: 01/04/2017
Môn thi: Excel 2013
Số lượng: 74

STT	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Trường	Cụm	Môn thi	Ngôn ngữ	Điểm	Phòng thi	Ca thi	GHI CHÚ	Thời gian
1	Phạm Phú	Anh	14-Jun-00	11A4	THPT Thủ Đức	Cụm 8	PP13	TA	1000	8.3	Ca 1		12:09
2	Nguyễn Phú	Cường	05-Nov-01	10AV1	THPT Thủ Thiêm	Cụm 8	PP13	TA	1000	8.3	Ca 1		5:55
3	Huỳnh Minh	Hiếu	14-Dec-00	11TLH	THPT Trung Phú	Cụm 7	PP13	TA	1000	8.3	Ca 2		50:00
4	Trần Nguyễn Kim	Hoàn	26-Jun-00	11D2	THCS-THPT Đinh Thiện Lý	Cụm 2	PP13	TA	1000	8.2	Ca 3		16:30
5	Trần Phạm Hương	Lan	15-Nov-00	11A 3	THPT Nguyễn Chí Thanh	Cụm 5	PP13	TA	1000	8.2	Ca 5		20:28
6	Ấu Gia	Linh	29/2/2000	11A04	THPT Nguyễn Hiền	Cụm 4	PP13	TA	1000	8.2	Ca 5		13:24
7	Trần Trung	Nhân	10-Oct-01	10A4	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	PP13	TA	1000	8.3	Ca 1		20:02
8	Nguyễn Vũ	Thiên	30-Apr-01	10C1	THPT Nhân Việt		PP13	TA	1000	8.2	Ca 2		8:22
9	Lê Thị Huyền	Trân	04-Mar-00	11D	THPT Thủ Thiêm	Cụm 8	PP13	TA	1000	8.3	Ca 1		5:57
10	Trương Hoàng Trấn	Vũ	19-Apr-00	11A 3	THPT Nguyễn Chí Thanh	Cụm 5	PP13	TA	1000	8.2	Ca 5		17:41
11	Nguyễn Ngọc Duy	Đức	09-Aug-02	9.10	THCS Tân Túc	Phòng GD-ĐT Huyện Bình	PP13	TA	970	8.2	Ca 3	970	
12	Nguyễn Mạnh	Khang	09-Feb-01	10C1	THPT Nhân Việt		PP13	TA	970	8.2	Ca 2		
13	Huỳnh Thị Phương	Nghi	10-Jan-01	10A1	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	PP13	TA	970	8.2	Ca 1		
14	Bùi Lê Bảo	Quyển	04-Dec-00	11A4	THPT Thủ Đức	Cụm 8	PP13	TA	970	8.3	Ca 1		
15	Bùi Diệu	Châu	23-Apr-00	11A12	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	PP13	TA	911	8.2	Ca 1	911	
16	Trương Tuấn	Kiệt	05-Feb-02	9A2	THCS Nguyễn Gia Thiều	Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình	PP13	TA	911	8.2	Ca 2		
17	Lâm Kỳ	Quân	05-Nov-00	11D2	THCS-THPT Đinh Thiện Lý	Cụm 2	PP13	TA	911	8.2	Ca 3		
18	Nguyễn Tất	Đạt	15-Dec-00	11A3	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	PP13	TA	882	8.3	Ca 1		
19	Phan Trần	Khải	10-Dec-00	11A3	THPT Nguyễn Hữu Huân	Cụm 8	PP13	TA	882	8.3	Ca 1		
20	Trương Đình	Khôi	27-Oct-00	11A8	THPT Tam Phú	Cụm 8	PP13	TA	882	8.3	Ca 1		
21	Nguyễn Phan Hoàng	Vy	27-Mar-02	9A6	THCS Đức Trí	Phòng GD-ĐT Quận 1	PP13	TA	882	8.3	Ca 2		
22	Văn Cẩm	Thùy	01-Nov-00	11A02	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Cụm 1	PP13	TA	852	8.2	Ca 1		
23	Phan Tô Minh	Anh	10-Sep-00	11A18	THPT Nguyễn Công Trứ	Cụm 6	PP13	TA	823	8.3	Ca 3		

STT	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Trường	Cụm	Môn thi	Ngôn ngữ	Điểm	Phòng thi	Ca thi	GHI CHÚ	Thời gian
24	Nguyễn Việt	Bách	01-Apr-00	11A3	THPT Trần Văn Giàu	Cụm 6	PP13	TA	823	8.3	Ca 3		
25	Võ Ngọc Tường	My	28-Apr-02	9A4	THCS Huỳnh Văn Nghệ	Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân	PP13	TA	823	8.3	Ca 4		
26	Nguyễn Thanh	Vân	22-Feb-03	83	THCS Colette	Phòng GD-ĐT Quận 3	PP13	TA	823	8.2	Ca 4		
27	Lê	Huy	17-Jan-03	8A2	THCS Ngô Sĩ Liên	Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình	PP13	TA	794	8.2	Ca 2		
28	Lê Việt	Thành	12-Jun-03	8A1	THCS Đức Trí	Phòng GD-ĐT Quận 1	PP13	TA	794	8.3	Ca 2		
29	Nguyễn Trung	Phong	10-Oct-01	10A04	THPT Võ Văn Kiệt	Cụm 2	PP13	TA	764	8.2	Ca 3		
30	Nguyễn Gia	Huy	01-Sep-01	10A8	THPT Lê Quý Đôn	Cụm 1	PP13	TA	735	8.2	Ca 1		
31	Văn Thạch Vy	Nương	15-May-00	11A12	THPT Hoàng Hoa Thám	Cụm 6	PP13	TA	735	8.3	Ca 3		
32	Trương Bảo	Long	23-Oct-00	11A02	THPT Mạc Đĩnh Chi	Cụm 4	PP13	TA	705	8.3	Ca 3		
33	Hồ Nguyễn Thiên	Kim	18-Jul-03	8_10	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GD-ĐT Quận 3	PP13	TA	676	8.2	Ca 4		
34	Hồ Nguyễn Minh	Trung	04-Aug-00	11A8	THPT Nguyễn Công Trứ	Cụm 6	PP13	TA	647	8.3	Ca 3		
35	Phạm Châu	Thanh	08-Feb-02	9A6	THCS Nguyễn Gia Thiều	Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình	PP13	TA	588	8.2	Ca 2		
36	Trần Nguyễn Hoàn	Nhi	26-Mar-03	8/6	THCS Hoàng Hoa Thám	Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình	PP13	TA	558	8.2	Ca 2		
37	Ngô Anh	Quân	27-Jul-00	10A2	THCS - THPT Việt Anh	Cụm 5	PP13	TA	558	8.2	Ca 1		
38	Trương Chí	Vĩ	30-Jul-00	11A8	THPT Tam Phú	Cụm 8	PP13	TA	529	8.3	Ca 1		
39	Lâm Triều	Dân	30/7/2001	10D12	THPT Nguyễn Hiền	Cụm 4	PP13	TA	470	8.2	Ca 5		
40	Trần Minh	Toàn	09-Nov-99	12A	THPT Trung Phú	Cụm 7	PP13	TA	411	8.3	Ca 2		
41	Lê Kỳ Thanh	Liêm	17-Sep-00	11A04	THPT Phú Nhuận	Cụm 7	PP13	TA	382	8.3	Ca 2		
42	Đặng Trọng	Tâm	01-Feb-99	12/16	TH, THCS VÀ THPT QUỐC TẾ Á CHÂU		PP13	TA	352	8.2	Ca 2		
43	Lê Thanh	Tâm	02-Sep-03	8/9	THCS Hai Bà Trưng	Phòng GD-ĐT Quận 3	PP13	TA	352	8.2	Ca 4		
44	Trần Đình Nam	Anh	19-Feb-99	12A2	THPT An Đông		PP13	TA	323	8.2	Ca 2		
45	Phan Ngọc Hải	Yến	23-Jul-00	11CA	THPT Củ Chi	Cụm 7	PP13	TA	323	8.3	Ca 2		
46	Dương Thành	Đạt	12-Nov-00	11CA	THPT Củ Chi	Cụm 7	PP13	TA	264	8.3	Ca 2		
47	Lê Vi	Ký	19-Sep-00	11M	THPT Ngô Quyền	Cụm 2	PP13	TA	235	8.2	Ca 3		
48	Phạm Thảo	Nhân	09-Mar-02	9A6	THCS Đức Trí	Phòng GD-ĐT Quận 1	PP13	TA	235	8.3	Ca 2		
49	Nguyễn Ngọc	Phụng	02-Oct-00	11A04	THPT Phú Nhuận	Cụm 7	PP13	TA	235	8.3	Ca 2		

STT	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	Trường	Cụm	Môn thi	Ngôn ngữ	Điểm	Phòng thi	Ca thi	GHI CHÚ	Thời gian
50	Phạm Thùy	Phương	26-Jun-04	7H3	TH, THCS, THPT Việt Úc	Phòng GD-ĐT Quận Phú	PP13	TA	235	8.2	Ca 4		
51	Phan Lê Kim	Ngân	20-Oct-01	10P02	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Cụm 1	PP13	TA	205	8.2	Ca 1		
52	Nguyễn Khánh Đoan	Trang	06-Jan-02	9H5	TH, THCS, THPT Việt Úc	Phòng GD-ĐT Quận Phú	PP13	TA	205	8.2	Ca 4		
53	Nguyễn Hồng	Đức	24-May-00	11A6	THPT Hiệp Bình	Cụm 8	PP13	TA	176	8.3	Ca 1		
54	Thái Mạnh	Phi	13-Sep-02	9/27	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Phòng GD-ĐT Quận 10	PP13	TA	176	8.3	Ca 4		
55	Phạm Minh	Trí	03-Jul-03	8A4	THCS Trí Đức	Phòng GD-ĐT Quận 1	PP13	TA	176	8.2	Ca 5		
56	Đào Nhật	Huy	22-Apr-04	7A5	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Cụm 1	PP13	TA	147	8.2	Ca 5		
57	Võ Trung	Kiên	31-May-02	9.6	THCS Tân Túc	Phòng GD-ĐT Huyện Bình	PP13	TA	147	8.2	Ca 3		
58	Lữ Thị Lan	Nhung	17-Jun-00	11A02	THPT Mạc Đĩnh Chi	Cụm 4	PP13	TA	147	8.3	Ca 3		
59	Trịnh Gia	Khang	04-Oct-03	8A5	THCS Trần Bội Cơ	Q5	PP13	TA	117	8.2	Ca 5		
60	Nguyễn Hùng Minh	Khương	27-Oct-02	9.7	THCS Tân Túc	Phòng GD-ĐT Huyện Bình	PP13	TA	117	8.2	Ca 3		
61	Nguyễn Minh	Nghĩa	07-Jun-02	9.7	THCS Tân Túc	Phòng GD-ĐT Huyện Bình	PP13	TA	117	8.2	Ca 3		
62	Lò Thị Thanh	Tuệ	25-May-02	9.1	THCS Bình Tân	Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân	PP13	TA	117	8.3	Ca 4		
63	Nguyễn Trần Bá	An	30-Oct-03	8A5	THCS Trần Bội Cơ	Q5	PP13	TA	88	8.2	Ca 5		
64	Phạm Phương	Đông	27-Apr-03	8A5	THCS Trần Bội Cơ	Q5	PP13	TA	88	8.2	Ca 5		
65	Nguyễn Lý Tiên	Giang	20-Dec-00	11A7	THPT Hoàng Hoa Thám	Cụm 6	PP13	TA	88	8.3	Ca 3		
66	Ngô Minh	Thuận	21-Mar-03	7/6	THCS Nguyễn Tri Phương	Phòng GD-ĐT Quận 10	PP13	TA	88	8.3	Ca 4		
67	Trần	Tiến	23-Mar-03	8A5	THCS Trần Bội Cơ	Q5	PP13	TA	88	8.2	Ca 5		
68	Nguyễn Ngọc	Thành	29-Aug-00	11A1	THPT Tân Phong	Cụm 2	PP13	TA	58	8.2	Ca 3		
69	Phạm Ngọc Thùy	Trang	26-Oct-00	11A09	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Cụm 5	PP13	TA	58	8.2	Ca 1	58	
70	Võ Nguyễn Minh	Đoan	28-May-01	10/24	TH, THCS VÀ THPT QUỐC TẾ Á CHÂU		PP13	TA	29	8.2	Ca 2		
71	Thái Huỳnh Minh	Khoa	10-Sep-02	9A5	THCS Nguyễn Thị Thập	Phòng GD-ĐT Quận 7	PP13	TA	29	8.3	Ca 4		
72	Trần Lê Mỹ	Linh	19-Oct-02	9.1	THCS Bình Trị Đông A	Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân	W13	TA	29	8.3	Ca 4		
73	Lâm Kha Thành	Đạt	17-Dec-02	9/32	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Phòng GD-ĐT Quận 10	PP13	TA	0	8.3	Ca 4		
74	Nguyễn Huỳnh Minh	Thư	16-Feb-04	7/6	THCS Nguyễn Tri Phương	Phòng GD-ĐT Quận 10	PP13	TA	0	8.3	Ca 4		